

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH T BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2024/HNGĐ-ST
Ngày 17 tháng 5 năm 2024
*V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH T BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Hoàng Thị Len
- Ông Bùi Đức M

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Chương - thư ký Tòa án nhân tỉnh T Bình.

- Đại diện VKSND tỉnh T Bình tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 17/5/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh T Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2024/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2024 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2024/QĐSXST- HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2024/QĐ-ST ngày 03/5/2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* anh **Lê Tất T**, sinh năm 1987

Địa chỉ: thôn A, xã T, huyện T, tỉnh T Bình.

2. *Bị đơn:* chị **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1990

Nơi ĐKKHKT: thôn N, xã A, huyện T, tỉnh T Bình.

Hiện nay đang lao động tại Đài Loan.

3. *Người làm chứng:* bà Mai Thị H, sinh năm 1962

Địa chỉ: thôn An B, xã A, huyện T, tỉnh T Bình

(anh T đề nghị xét xử vắng mặt, chị D và bà H vắng mặt)

NỘI D VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lê Tất T trình bày: anh và chị D tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T (nay là xã A), huyện T, tỉnh T Bình vào ngày 16/3/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng trong cách sống, vì vậy mà trong thời gian anh và chị D cùng sang Đài Loan lao động nhưng không ở cùng nhau, không quan tâm, liên lạc với nhau. Xác định không còn tình cảm, vợ chồng không trở về đoàn tụ được nên anh đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn chị D.

Về con chung: anh và chị D có một con chung là Lê Nhật M, sinh ngày 29/4/2014. Ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị D góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Cháu Lê Nhật M có nguyện vọng được ở với anh T.

Về tài sản và nợ chung: không có. Anh đề nghị xét xử vắng mặt.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản nhưng chị D không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh T.

Người làm chứng bà Mai Thị H là mẹ đẻ chị Nguyễn Thị D trình bày: anh T và chị D sau khi kết hôn chung sống đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, chị D hiện đang lao động tại Đài Loan. Gia đình bà đã nhận được các văn bản của Tòa án gửi và thông báo lại cho chị D biết, chị nhất trí ly hôn, về con chung nhất trí nhường quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Nhật M cho anh T, chị và anh T không có tài sản chung, không vay nợ chung.

Công văn số 160/PA08 ngày 13/3/2024 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh- Công an tỉnh T Bình cung cấp: chị Nguyễn Thị D xuất cảnh lần gần nhất ngày 07/01/2020, bằng hộ chiếu số C2262328 qua cửa khẩu sân bay quốc tế Nội Bài. Sau đó không thấy thông tin nhập cảnh.

Kết quả xác M tại UBND xã A, huyện T Thụy về quá trình chung sống, thời điểm kết hôn, thời gian phát sinh mâu thuẫn như anh T và bà H trình bày.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T Bình phát biểu quan điểm:

Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các điều 70,71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ quy định tại các điều 70,72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội D vụ án: đề nghị áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh Lê Tất T được ly hôn chị Nguyễn Thị D. Giao con chung Lê Nhật M cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của anh T về việc không yêu cầu góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ chung không giải quyết trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Anh Lê Tất T khởi kiện xin ly hôn chị Nguyễn Thị D hiện đang cư trú tại nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh T Bình là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 37 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T Bình tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Anh Lê Tất T đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, chị Nguyễn Thị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

- Về nội D vụ án:

[4] Về quan hệ hôn nhân: anh T và chị D tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T (nay là xã A), huyện T Thụy là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn, đã ly thân, không còn quan tâm đến nhau; mặc dù chị D không trực tiếp trình bày ý kiến song qua lời khai của bà Mai Thị H (mẹ chị D), kết quả xác minh tại địa phương, cho thấy anh T và chị D đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích

hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, xử cho anh T được ly hôn chị D.

[5] Về quan hệ con chung: do hiện nay chị D đang ở nước ngoài chưa có điều kiện trực tiếp chăm sóc con, cháu Lê Nhật M có nguyện vọng được ở với anh T, do vậy để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của trẻ, cần giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là đúng với quy định tại các điều 80,81,82 Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận sự tự nguyện của anh T về việc không yêu cầu chị D góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: anh T khai không có, Toà án không ghi được ý kiến của chị D, vì vậy không giải quyết trong vụ án này.

[7] Về án phí: anh Lê Tất T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.
- Áp dụng khoản 4 Điều 147, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: xử cho anh Lê Tất T được ly hôn chị Nguyễn Thị D.

2. Về quan hệ con chung: giao con chung Lê Nhật M, sinh ngày 29/4/2014 cho anh Lê Tất T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh T về việc không yêu cầu chị D góp tiền cấp dưỡng nuôi con, chị D có quyền thăm nom, chăm sóc con chung. Anh T và chị D có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và mức cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản và nợ chung: không giải quyết trong vụ án này.

4. **Về án phí:** anh Lê Tất T phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng anh T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00000111 ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh T Bình, anh T đã nộp đủ án phí.

5. **Về quyền kháng cáo:** các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh T Bình;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh T Bình;
- Các đương sự;
- UBND xã A;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Huệ